

VƯỢT BIÊN BỊ BẮT

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Năm giờ sáng ngày 19- 11- 1980, chúng tôi có mặt ở bến xe Miền Tây. Cả đoàn không ai bảo ai, nhưng tất cả đều kín đáo bám sát theo người đại diện Ban Tổ Chức, mua vé cùng một chuyến xe đi Miền Tây. Qua phà Mỹ Thuận, rồi phà Cần Thơ, đổ quân vào thành phố vào giữa trưa, phân tán từng nhóm nhỏ, và lặng lẽ theo chân người dẫn đường. Toán của tôi gồm 6 người, chúng tôi và 2 người lạ đi cách một quãng, do một thanh niên địa phương dẫn đường. Suốt buổi, lang thang trên đường phố, vào tiệm xem hàng hóa, ngồi ở quán ăn, quán giải khát v.v... không dừng chân lâu ở một chỗ nào. Đến 4 giờ chiều, thuê xe Lam ba bánh đến bến đò Bình Thủy, vào quán nước, chúng tôi chưa uống cạn ly thì taxi (ghe con) đã đến, ra hiệu xuống ghe. Tôi nhìn vợ thật sâu lắng đọng vào đáy mắt, rồi nghẹn ngào nói lời tạm biệt “Anh đi! Em trở lại Cần Thơ, kéo tối.” Tôi nhanh nhẹn dắt tay hai con ra bến. Vừa bước lên khoang, tôi ngoái đầu nhìn vợ lần cuối, nhưng người ta đã vội kéo sâu vào mui che, ra hiệu nắm sát xuống sàn và tĩnh lặng cho đến khi trời sập tối. Ghe lần lượt đi qua những trạm quan sát, những nơi đông người vùng ven đô để bị dòm ngó, thuyền nhân hồi hộp trong không khí căng thẳng, nhưng rồi mọi việc đều êm xuôi.

Vành trăng đêm 12 Âm lịch chưa tròn, nhưng cũng tạm đủ sáng, nhìn dòng Sông Hậu mệnh mông, hai bên bờ lờ mờ những vườn cây nối tiếp. Tôi nghĩ đến vợ, quãng đường từ bến Bình Thủy về thành phố Cần Thơ, trời chiều, vắng khách, liệu có còn xe không? Về tới Cần Thơ, liệu có chuyến xe nào đi Sài Gòn trong đêm không? Phần lo cho số phận mình và hai con lênh đênh sóng nước đầy bất trắc, phần lo cho vợ “đêm khuya thân gái dặm trường” có bình yên không? Rồi những ngày kế tiếp, Mẹ tôi, vợ tôi và con gái tôi mới được 4 tuổi liệu có được yên thân tại quê nhà, hay phải đi đày kinh tế mới ở một vùng hoang vu nào đó. Có điều chắc chắn, sẽ bị quản thúc và bị cô lập, một khi chính quyền địa phương biết tin hai đứa con đầu của tôi đang ở trại tỵ nạn Singapor và nay đến

lượt ba cha con tôi vượt biên. Tôi miên man suy nghĩ suốt đêm không ngủ được...

Cả ngày 20- 11- 1980, ghe bồng bênh trên dòng Sông Hậu, tìm những chỗ vắng và có cây cối chĩa ra che phủ để ẩn mình, nhưng cũng chẳng dám dừng lâu ở một địa điểm nào. Lúc quá trưa, ghe đang chạy chậm dưới tàng cây rậm rạp, có một ghe lạ đi ngược chiều, ghé sát, dòm ngó xuyên suốt vào mái che của ghe ta. Mọi người không an tâm, sau đó chủ ghe cũng cảm thấy bất ổn, rờ ga cho ghe lướt nhanh như muốn chạy trốn. Khi ghe đi qua Trà Ôn, trạm quan sát nguy hiểm nhất, thuyền nhân nép mình trong những bó mía chõng chắt. Khoảng 4 giờ chiều, ghe đã ra gần cửa sông bao la sóng nước, còn sớm quá, ghe phải vào bãi tràm ẩn mình.

Hoàng hôn, ghe mở máy chạy đến điểm hẹn. Nhìn về hướng biển, mọi người vui mừng vì thấy một điểm đen lớn dần, chủ ghe cho biết đó là “tàu mẹ” đang đợi. Xa xa, cũng thấy những “taxi” khác ló dạng từ những bãi tràm chạy về điểm hẹn. Chủ ghe dùng đèn pin chớp nháy báo tín hiệu, tàu mẹ đáp lại đúng mật hiệu đã định cho lần 1. Thuyền nhân yêu cầu chủ ghe chớp tín hiệu lần 2, tàu mẹ cũng đáp lại đúng quy định lần 2. Mọi người vui mừng vì chắc ăn rồi, chủ ghe mở hết tốc lực chạy tới. Ghe chúng tôi đi đâu, một ghe khác cũng phóng nhanh, mong được lên tàu sớm, vì “tàu mẹ” không dám đợi lâu sẽ bị lộ. Tôi có hai đứa con nhỏ, Việt Bằng 10 tuổi và Việt Bảo 7 tuổi, khó dắt cả hai đứa lên tàu cùng lúc. Nên bàn với người em cô cậu của vợ tôi là Nguyễn Chi Lâm, khi lên tàu Lâm đi trước, tôi ở dưới ghe chuyển hành lý cho Lâm giữ, rồi lần lượt bồng hai đứa nhỏ đưa lên cho Lâm nắm lấy, xong mới đến lượt tôi lên tàu.

Chủ ghe giảm tốc lực, chuẩn bị cập sát vào “tàu mẹ.” Khi chỉ còn cách khoảng 10 mét, từ “tàu mẹ” phát ra tiếng hô lớn: “Ghe đi đâu, đứng lại!” Chủ ghe đáp: “Ghe chở mía.” Một loạt đạn bắn thị uy. Chúng tôi mới biết đây là tàu sát của công an biên phòng!

Chuẩn bị cho chuyển đi, tôi đã đề phòng sự rủi ro, các giấy tờ liên quan đến vượt biên như địa chỉ thân nhân ở Hải ngoại, giấy chứng nhận tại ngũ, biệt phái, giáo chức tôi để riêng, nơi dễ lấy, nếu gặp bất trắc, dễ dàng tiêu hủy hay vứt bỏ. Trong tình thế này, không còn tiếc nữa, tôi lén lấy các giấy tờ ấy ở túi ngoài ba lô, vò cục ném xuống nước để phi tang. Định mở ba lô lấy lon gô đựng thuốc cấp cứu, trong đó có nhiều thuốc chống say sóng, ném luôn thế; nhưng không kịp, chúng đã tràn vào ghe, trói chặt các thuyền nhân. Chúng tôi bị áp giải lên thuyền của của công an, chở vào trạm cạnh bờ sông, buộc phải cởi bỏ giày dép đi chân đất để khỏi chạy trốn, lấy khẩu cung từng người, thẩm vấn truy tìm tài công và người tổ chức. Khi đó tôi mới biết, lợi dụng lúc công an còn lo vây bắt những “taxi” khác toan chạy trốn, nên chưa có tên công an nào lên ghe mình kiểm soát, ông chủ ghe trệt xuống sông và lặn trốn mất, chỉ còn thằng nhỏ phụ lái ở lại chịu đòn.

Xong việc lập biên bản và kê danh sách, chúng lùa thuyền nhân xuống tàu sắt, nhốt vào hầm tối đen, chật ních, lồm bồm nước tới nửa ống quyển. Hầm tàu nhỏ, trần thấp, nhét đầy người, phải đứng sát vào nhau, tay bị trói chặt, ngột ngạt. Chúng tôi đói khát, mệt lã, thiếp đi chập chờn trong thế ngủ đứng.

Tàu chạy suốt đêm, sáng hôm sau, cập bến, bị áp giải lên trại giam. Ở đây, tôi được gặp lại hai con, mới biết ghe ta được kéo theo tàu của chúng. Việt Bằng mang xách hành lý lại nói nhỏ với tôi: “Cái lon gô, ai lấy mất rồi.” Thì ra, trong lon gô, lóp dưới đựng lon sữa đặc, trên nhét đầy các loại thuốc uống. Có lẽ, trong đêm chúng lục soát hành lý của thuyền nhân, cảm thấy cái lon gô nặng khác thường, ngỡ rằng thuyền nhân giấu vàng trong đó, nên lạng lẽ “cuốn mất” làm của riêng. Thế là may, không còn tang chứng, tương kế tựu kế, ta sẽ có cách cung khai... Noi đây, lập thủ tục giam cứu, nhiều công an chuyên việc khai thác, chúng gọi từng người lên chụp ảnh, lăn tay, thẩm vấn, vặn hỏi, lục soát rất kỹ, lập biên bản tịch thu tang vật. Chúng cũng cất giữ tất cả giấy tờ, tiền bạc, của cải của thuyền nhân; chỉ cho nhận lại một số áo quần cần thiết.

Khoảng 2 giờ chiều, lính canh trói chặt từng người, rồi giải ra bến sông, lùa lên một tàu khác, chở về nhà tù tỉnh Cửu Long tại thị xã Vĩnh Long. Giám thị nhà tù soát xét một lần nữa, chia chúng tôi làm hai nhóm đem nhốt ở hai phòng giam kế tiếp nhau. Lần đi vượt biên này, hầu hết là người Nam, không quen biết; chỉ có tôi, anh Phan Ngọc Can và Nguyễn Chi Lân là bà con thân thích nhau. Khổ nỗi, ba cha con tôi không được ở chung với hai người kia.

Phòng giam không rộng lắm mà nhốt trên một trăm người vừa ăn ngủ, tiêu tiểu, tắm rửa cũng trong phạm vi ấy. Phòng này giam những người đợi ngày ra tòa, chưa thành án, gồm tù hình sự, chính trị, kinh tế, tôn giáo và vượt biên. Lệnh cấm các tù nhân khác không được nói chuyện với tù vượt biên, kẻ bị gán cho cái tội “phản quốc.” Nhất là bọn cán bộ và lính Cộng sản phạm pháp, cũng bị nhốt chung vào đây, nhưng được giám thị ưu đãi, cho làm ban trật tự phòng giam, chúng rất khắc khe với tù vượt biên.

Về thiết kế, phòng giam có hai dãy bục ngủ bằng xi măng xây dọc theo vách, sàn nhà là một hành lang rộng chạy dài nằm giữa hai bục. Ở đầu phòng có cửa ra vào, tiếp theo là tấm bảng gắn tường, dùng ghi những chỉ thị và những điều nghiêm cấm của trại giam, nơi đây là chỗ để chia phần cơm cho tù nhân. Tiếp theo và sát tường là một bồn chứa nước, mỗi ngày chỉ 1 lần được xả nước vào để tù nhân dùng trong 24 giờ. Và tiếp nữa, một bồn cầu nằm sát góc không che kín, dùng cho việc tiêu, tiểu. Cửa sổ chỉ là những ô nhỏ ở tận trên cao, làm gian phòng không đủ sáng và không khí ngột ngạt. Nếu chứa số tù nhân vừa đủ nằm trên hai bục, thì cũng tạm được; nhưng ở đây, số tù lại tăng gấp hơn hai lần con số cho phép. Đêm ngủ, tù nhân nằm dày kín trên hai bục; dưới sàn còn hai dãy người nằm ngang nữa, chỉ chừa ở giữa một lối đi nửa mét tây để tù nhân đi tiêu tiểu. Như vậy, phòng có 4 hàng người nằm ngang, đều hướng chân vào lối

đi giữa, và quay đầu về phía hai vách. Ngoài ra, số người nằm hai hàng giữa còn kéo dài ra kín cả chỗ sàn nhà chia phần cơm cho tù nhân. Mỗi người, chỉ được 40 cm bề ngang, có vạch phấn trắng làm ranh giới, nên chỉ còn cách nằm nghiêng và thẳng người, mới khỏi xâm phạm của người khác.

Mỗi buổi sáng, đi cầu là một cực hình, phải sắp hàng rất sớm và phải đợi hàng giờ mới tới lượt của mình. Với tôi, còn vất vả hơn là phải chăm sóc việc tiểu tiêu cho hai đứa con nhỏ. Việc tắm rửa cũng khắc khe không kém, có một người đứng bên hồ nước, cầm gáo múc, tù nhân sắp hàng tuần tự đi qua, chỉ được dừng lại 30 giây để nhận hai gáo nước cho một cuộc tắm, một gáo xối từ đầu cho ướt hết toàn thân, kỳ cọ qua loa, một gáo nữa để trôi chất bẩn trên cơ thể.

Vì quá thiếu vệ sinh, bệnh ghẻ phát triển mạnh, lây tràn lan cả 3 loại: ghẻ phỏng nung mù, ghẻ ruồi, ghẻ ngứa mọc khắp thân thể và chong lên nhau. Mỗi sáng, đội trực quét nhà, thu gom lại cả lon sữa bò vấy ghẻ. Mới vào phòng giam, đêm đầu chưa thấy gì, đêm thứ hai bắt đầu ngứa ngáy, đêm thứ ba ngứa rần cả người tha hồ gãi, vài ngày sau đã thấy những vết trầy suốt nung mù. Mỗi chiều giám thị vào phòng giam điểm danh, phải mang ủng cao đến đầu gối, ra ngoài là tẩy trùng ngay.

Có lần, tôi bị tiêu chảy nặng, không có thuốc uống, phải xin một trái chuối xanh của bạn tù, ăn vào, nhờ vị chát của chuối cũng thuyên giảm dần. Một lần tôi bị nhặm mắt, sung vù, ghèn nhầy nhựa, phải dùng nước tiểu để rửa mắt vì nước trong hồ rất khan hiếm, không ai được sử dụng lẻ tẻ. Con tôi, Việt Bằng nổi nhọt to bằng nửa trứng gà cắt đôi ngay ở giữa ngực, nóng sốt nhức nhối đến nghẹn thở, khi nhọt vỡ, mủ chảy tràn lan, nhầy nhựa cả bụng và ngực. Không có nước để rửa, không có bông hay vải để lau, cũng không có giấy sạch, phải dùng lá chuối và giấy báo cũ gói thức ăn của tù nhân được người nhà thăm nuôi. Mủ máu chảy rỉ rả trong vài ngày, rồi cũng lành. Một thuyền nhân khác, xóc phải xương cá ở ngón chân, bị nhiễm trùng, sung vù, nung mù, đến nổi lên con sốt và rụng mất một ngón chân mà không được băng bó, bạn bè thương tình cho vài viên trụ sinh, rồi cũng lành. Tôi nghĩ, khi con người bị đẩy vào cái khốn cùng của địa ngục trần gian, thì chỉ có nhờ trời nuôi, mới sống sót được.

Ngày đầu năm 1981, tính ra cha con tôi ở trong khám chật hẹp này đã 42 ngày. Bốn mươi hai ngày mà tưởng chừng 42 năm, tức cảnh sinh tình tôi gieo vần bài thơ thất ngôn bát cú. Thơ làm rồi, nhưng không có giấy bút để ghi lại, tôi phải thầm đọc cho thuộc lòng:

*Tưởng rằng tốt đẹp chuyển hành du,
Phận bạc xui nên cảnh tội tù
Trói buộc tê tay lẫn rướm máu,
Giam cầm cuồng căng ghẻ sần u.
Thân già lắm lắm thôi đành vậy,
Con trẻ đại khờ cũng thế ru?*

*Khe cửa, ngoài kia chim én lượn,
Ngày tù dài lắm tựa thiên thu!**

Vĩnh Long, ngày 1- 1- 1981
tức ngày 26 tháng 11 năm Canh Thân
Bài thơ **Vượt Biên Bị Bắt**
Trích từ Thi tập *Làng Quê Tim Tôi*, Bài 01/49

* Lấy ý từ câu “Nhứt nhật tài tù, thiên thu tại ngoại”